

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 -2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mã Siêu và ông Trần Văn Hiếu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký

Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/3/2021 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn - chị Trần Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 5 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 7 năm 2019 chị và anh H chính thức sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống cùng anh H được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H không có con chung và hiện tại chị cũng không mang thai.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Do đó chị không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và công nợ chung.

Về phía bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Trần Văn H nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lời khai của mẹ đẻ anh H là bà Vũ Thị C sinh năm 1973, trú tại Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2021, bà C trình bày: Anh H và chị Y tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn anh H và chị Y chung sống cùng gia đình bà tại xã N, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, từ năm 2019 đến nay chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống không chung sống cùng anh H nữa. Chị Y và anh H không có con chung, không có tài sản gì chung và cũng không có công nợ chung. Hiện tại anh H đang đi làm ăn ở trong miền nam nên không có mặt ở nhà, nhưng anh H làm gì và ở địa chỉ cụ thể nào thì bà không nắm được, anh H vẫn thường xuyên về nhà nhưng chỉ vài ngày rồi lại đi. Tất cả các giấy báo và văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H thì gia đình bà đều nhận được và thông báo cho anh H biết, tuy nhiên gia đình bà và anh H là người theo đạo Công giáo nên bà không ký bất cứ văn bản gì và anh H cũng không lên Tòa để làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 31/5/2021, UBND xã N, huyện T cung cấp như sau:

Hiện nay anh Trần Văn H và chị Trần Thị Y đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị Y và anh H tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 25 tháng 5 năm 2013. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H thì đại diện địa phương không nắm được cụ thể. Anh H và chị Y không có con chung. Về tài sản chung và công nợ chung giữa anh H và chị Y địa phương không nắm được. Hiện nay anh H không có mặt tại địa phương, tuy nhiên anh H vẫn về nhà khi có việc, gia đình anh H theo đạo Công giáo, các giấy báo và văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H đều được địa phương gửi đến gia đình anh H đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị Y đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự, bị đơn là anh Trần Văn H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn anh Trần Văn H. Về quan hệ con chung: Anh H và chị Y không có con chung nên không phải giải quyết. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Trần Thị Y khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn H, anh H có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị Y là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì hiện tại chị đang ở vùng dịch phải giãn cách xã hội nên không thể về tham gia phiên tòa được. Bị đơn là anh Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Trần Văn H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/5/2013 xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị Y anh H mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 7 năm 2019 chị Y và anh H đã không chung sống cùng nhau và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh H, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Y và anh H đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Y trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm của mình nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Không có

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002080 ngày 03/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị Y, anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi